TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG E XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS -ST
Ngày: 30/9/2022
(*V/v:Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Phạm Phong Lan
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Lê Thị Kiều Thu
2. Bà Lương Thị Mỹ Linh
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 15 phút ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 68/2022/TLST- DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1951
Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1984
Cùng trú tại: ấp C, xã D, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị Hiệp E, sinh năm 1965 - Trú tại: khu phố 2, phường F, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị Ngọc G, sinh năm: 1960
Ông Đoàn Xuân H, sinh năm 1947
Cùng trú tại: số 241 Đường I, tổ 4, khu phố 4, phường J, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà Nguyễn Thị Hiệp E, bà Trần Thị Ngọc G có đơn xin vắng mặt, ông Đoàn Xuân H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:*

Vợ chồng ông Đoàn Xuân H và bà Trần Thị Ngọc G làm nghề sản xuất bún phở. Mẹ con bà A và ông B là người bán gạo cho vợ chồng bà G. Do tin tưởng nhau hai bên thỏa thuận mua bán bằng hợp đồng miệng. Theo đó, bà G đặt số lượng, chủng loại gạo, thời điểm giao…thì bà A báo giá và giao gạo theo chuyến cho bà G, phương thức thanh toán cho nợ gối đầu một chuyến. Khi mua chuyến đầu bà G được nợ lại một khoản và sẽ thanh toán dứt điểm khi mua chuyến kế tiếp, việc này được hai bên theo dõi trong sổ và có chữ ký xác nhận của hai bên.

Thực hiện hợp đồng mua bán từ ngày 03/02/2010 giao chuyến gạo đầu tiên 05 tấn, trị giá 36.800.000 đồng, bên mua trả 10.000.000 đồng, nợ gối đầu 26.800.000 đồng. Chuyến tiếp theo giao 04 tấn vào ngày 14/3/2010, trị giá 30.400.000 đồng, bên mua trả nợ cũ 26.800.000 đồng và nợ tiền chuyến hai…

Đến năm thứ hai, ông H và bà G vi phạm thỏa thuận, kéo dài hơn thời gian thanh toán. Vì thế sau mỗi chuyến hàng số nợ tăng dần. Đến cuối 2020, bên mua đã nợ hơn một tỷ, thanh toán chậm nên sau ngày 16/10/2020 hai bên chấm dứt hợp đồng và kết lại số nợ là 1.016.000.000 đồng, vợ chồng bà G hứa thanh toán trong thời gian gần nhất nhưng không thực hiện. Đến ngày 26/5/2021 bà G viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ trong một tháng nhưng cũng không thực hiện.

Ngoài ra, ngày 02/01/2022 vợ chồng bà G còn vay của bà A và ông B số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 26/5/2021 vợ chồng bà G cũng cam kết trả nợ trong một tháng cùng với khoản nợ mua gạo nhưng cũng không thực hiện.

Hai khoản nợ trên là khoản nợ chung của vợ chồng bà G và ông H nên cả hai người cùng phải có trách nhiệm. Nay bà A và ông B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông H và bà G liên đới trả cho bà A và ông B số tiền mua bán gạo là 1.016.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/6/2021 đến ngày 30/9/2022, theo mức lãi suất 10%/năm.

- Buộc ông H và bà G liên đới trả cho bà A và ông B số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/6/2021 đến ngày 30/9/2022, theo mức lãi suất 10%/năm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Ngọc G có đơn trình bày đề ngày 08/5/2022 và ngày 15/5/2022 gửi cho Tòa án có nội dung như sau:*

Vào năm 2009 bà G có mua gạo để làm bún của bà A và anh B. Hiện nay bà còn nợ bà A và anh B một số tiền. Do làm ăn thất bại và dịch bệnh nên gia đình bà gặp biến cố quá lớn nên chưa thanh toán tiền cho bà A và anh B. Bà và ông H đã

thỏa thuận ông H chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, còn bà chịu trách nhiệm trả cho bà A và anh B.

** Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án ông Đoàn Xuân H trình bày:*

Trước đây vợ chồng ông có mua gạo để làm bún của mẹ con bà A và anh B. Làm ăn với nhau cả một thời gian dài. Thời gian đầu mua bán trả tiền sòng phẳng, sau đó do dịch bệnh nên vợ chồng ông không trả được tiền cho bà A và anh B. Hai bên có viết giấy kết nợ, ông và bà G có nợ của bà A và anh B số tiền mua gạo là 1.016.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng ông có vay của bà A và anh B 150.000.000 đồng. Các giấy nhận nợ vào ngày 26/5/2021, số tiền 1.016.000.000 đồng và giấy vay số tiền 150 triệu đồng do bà A cung cấp cho Tòa án là đúng. Nay vợ chồng ông cũng chưa trả cho bà A và anh B số tiền trên.

Bà A và anh B yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền trên nhưng vợ chồng ông chưa có tiền trả vì do làm ăn thất bại và dịch bệnh covid.

Khi vỡ nợ, hai vợ chồng ông đã thỏa thuận ông có trách nhiệm trả cho ngân hàng 3 tỷ 700 triệu đồng, còn bà G có trách nhiệm trả cho bà A và anh B số tiền trên (vợ chồng ông có làm giấy thỏa thuận). Nên bà G phải có trách nhiệm trả nợ cho bà A và anh B số tiền trên.

Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của tòa mời ông bà đến tòa giải quyết vụ án, ông có thông báo cho bà G biết để đến tòa giải quyết vụ án nhưng bà G không đến. Nay ông yêu cầu tòa án ghi ý kiến của ông, còn ông không đồng ý E giải với nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự có mặt tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có đủ cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Đoàn Xuân H và bà Trần Thị Ngọc G cư trú tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Bị đơn đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa ông Đoàn Xuân H vắng mặt không có lý do, bà Trần Thị Ngọc G có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Ngọc G và ông Đoàn Xuân H phải trả số tiền mua gạo 1.016.000.000 đồng và tiền vay 150.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nguyên đơn đã nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy nhận nợ đề ngày 26/5/2021 có chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị Ngọc G (bản chính), trong đó có thể hiện nội dung bà Trần Thị Ngọc G chủ lò bún phở An Thái có nợ của ông B số tiền 1.016.000.000 đồng và số tiền bà A vay cho bà G là 150.000.000 đồng (theo giấy vay tiền đề ngày 02/01/2012 có chữ ký và chữ viết của ông Đoàn Xuân H và bà Trần Thị Ngọc G), bà G cam kết trong vòng một tháng (kể từ ngày 26/5/2021) sẽ thanh toán các số tiền trên cho bà A và ông B. Tuy nhiên, sau đó bà G không thực hiện cam kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà G và ông H phải trả các số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà G cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn các số tiền nêu trên theo như Giấy nhận nợ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là đúng.Tuy nhiên, bà G không đến tòa giải quyết, còn ông H cho rằng ông và bà G đã thỏa thuận khoản nợ của nguyên đơn là do bà G chịu trách nhiệm trả nên bà G phải trả cho nguyên đơn. Như vậy, xét thấy bà G và ông H còn nợ nguyên đơn các số tiền nêu trên là có thật, ông bà đã vi phạm cam kết không trả tiền cho nguyên đơn trong thời hạn một tháng, tính từ ngày 26/5/2021 đến ngày 26/6/2021, thì từ ngày 27/6/2021 nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu ông H và bà G phải trả các số tiền trên là đúng pháp luật. Do đó, buộc bà Trần Thị Ngọc G và ông Đoàn Xuân H phải trả cho nguyên đơn số tiền mua gạo là 1.016.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 27/6/2021 đến ngày 30/9/2022, theo mức lãi suất 10%/năm, cụ thể như sau: 1.016.000.000 đồng x (10%:12 tháng) x 15 tháng x 03 ngày = 127.846.666 đồng; và buộc ông Đoàn Xuân H và bà Trần Thị Ngọc G phải trả cho bà A và ông B số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 27/6/2021 đến ngày 30/9/2022, theo mức lãi suất 10%/năm, cụ thể như sau: 150.000.000 đồng x (10%:12 tháng) x 15 tháng x 03 ngày = 18.875.000 đồng.

Tổng cộng, bà G và ông H phải trả cho bà A và ông B số tiền là 1.312.721.666 đồng.

[3] Xét ý kiến của ông H và bà G có trong hồ sơ ông bà cho rằng, hai người đã thỏa thuận khoản nợ của nguyên đơn do bà G chịu trách nhiệm trả, còn ông H chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng nên ông không chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn. Nhận thấy sự thỏa thuận chỉ diễn ra giữa ông H và bà G, không được sự đồng ý của nguyên đơn. Hơn nữa, ông H và bà G đã thừa nhận có mua gạo để làm bún của bà A, ông B và vay tiền của bà A, ông B nên nghĩa vụ phát sinh từ việc mua bán gạo và vay tiền do ông bà cùng thỏa thuận xác lập thì ông bà cùng phải chịu trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho bà A và ông B là đúng quy định của pháp luật. Do đó, ý kiến của ông H và bà G không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Xét đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí của bà Trần Thị Ngọc G đề ngày 10/9/2022 và của ông Đoàn Xuân H đề ngày 18/8/2022, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bà G và ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ **Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự;

- Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

2/ **Tuyên xử**:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Đức B, buộc ông Đoàn Xuân H và bà Trần Thị Ngọc G phải trả cho bà A và ông B số tiền **1.312.721.666** đồng (*Một tỷ, ba trăm mười hai triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), trong đó bao gồm tiền mua gạo là 1.016.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả là 127.846.666 đồng; tiền vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả là 18.875.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ **Án phí:** Ông Đoàn Xuân H và bà Trần Thị Ngọc G được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức B và bà Nguyễn Thị A số tiền 25.700.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009506 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

4/ **Về quyền kháng cáo**: Án xử công khai có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP. Phan Thiết;*
- *Chi cục THADS TP. Phan Thiết;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan